

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN VĂN VŨ

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Mạnh Toàn

Phản biện 2: TS. Văn Thị Thái Thu

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 01 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1 . Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, là công cụ quan trọng điều tiết vĩ mô của nền kinh tế, góp phần đảm bảo công bằng xã hội, khuyến khích sản xuất phát triển. Với vai trò quan trọng của thuế, mọi quốc gia đều rất coi trọng chính sách thuế và các biện pháp quản lý thuế.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được quốc hội khóa IX nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp lần thứ 11 (từ ngày 2/4/1997 đến ngày 10/5/1997), được áp dụng ở Việt Nam từ ngày 01/01/1999. Đây là Luật thuế mới, có phương pháp tính thuế phù hợp với hoạt động của kinh tế thị trường, đảm bảo công bằng trong việc đánh thuế và có tác dụng khuyến khích đầu tư phát triển, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Quá trình cải cách đó đã làm thay đổi vị thế của “người nộp thuế” và “người thu thuế” từ quan hệ “đối đầu” sang “bạn đồng hành”, cả hai đều làm nhiệm vụ thu ngân sách cho nhà nước. Ngành Thuế đang chuyển đổi từ mô hình quản lý theo đối tượng sang mô hình quản lý theo chức năng với cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp phát huy tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của người nộp thuế; Cơ quan thuế chỉ làm nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ và giám sát, kiểm tra sự tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Bước đầu thực hiện mô hình quản lý theo chức năng đã có những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, việc quản lý thuế nói chung và kiểm soát thuế TNDN nói riêng còn chưa theo kịp với tình hình thực tiễn, còn nhiều vấn đề xung quanh việc kiểm soát thuế TNDN. Nhiều ý kiến cho rằng việc kiểm soát thuế chưa chặt chẽ, chưa kiểm soát hết nguồn thu, quy trình kiểm soát chưa theo kịp với mô hình quản lý do vậy chưa bảo

đảm được việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, tình trạng thất thu thuế xảy ra không ít.... Do đó, vấn đề kiểm soát thuế TNDN còn nhiều vướng mắc cần phải giải quyết. Vì vậy, nghiên cứu việc kiểm soát thuế TNDN, đề ra các giải pháp tăng cường kiểm soát đối với sắc thuế này là rất cần thiết.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích: Hệ thống hoá và làm rõ những vấn đề lý luận về kiểm soát thuế TNDN trong mô hình quản lý theo chức năng, khảo sát thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên, từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các vấn đề lý luận và thực tiễn của việc kiểm soát thuế TNDN đối với Người nộp thuế. Phạm vi nghiên cứu của luận văn là công tác kiểm soát thuế TNDN đối với các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Phú Yên trực tiếp quản lý.

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử kết hợp với các phương pháp cụ thể được sử dụng như: phương pháp mô tả, chọn mẫu điều tra, kiểm định thống kê, kiểm tra đối chiếu và tổng hợp để phân tích thực trạng việc kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên. Từ đó có thể đưa ra những kết luận cần thiết từ thực tế, đưa ra các giải pháp hoàn thiện phù hợp với khả năng áp dụng tại Cục thuế tỉnh Phú Yên.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về kiểm soát thuế TNDN.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên.

Chương 3: Giải pháp tăng cường kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Từ khi thực hiện Luật thuế TNDN đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về thuế TNDN. Tuy nhiên, đề tài về kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên chưa có tác giả nào nghiên cứu.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ VÀ KIỂM SOÁT THUẾ

1.1.1. Khái niệm về thuế

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc mà Nhà nước quy định thành luật định để các tổ chức và cá nhân thực hiện nghĩa vụ đóng góp của mình với Nhà nước, nhằm hình thành quỹ tài chính tập trung, đáp ứng nhu cầu chi tiêu, quản lý Nhà nước. Thuế là một hiện tượng xã hội do chính con người định ra và nó gắn liền với phạm trù Nhà nước và pháp luật.

1.1.2. Những vấn đề cơ bản về thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu đánh vào phần thu nhập sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan đến thu nhập đó. Thuế TNDN được xem xét trên hai khía cạnh là chính sách thuế và các quy định về quản lý để đảm bảo chính sách thuế được thực hiện đó là quản lý thuế.

a. Chính sách thuế TNDN

Chính sách thuế của Luật thuế TNDN quy định về Người nộp

thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh. Theo đó, tất cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ, hàng hoá có thu nhập đều phải nộp thuế TNDN; Căn cứ để tính thuế TNDN là thu nhập tính thuế và thuế suất.

* **Người nộp thuế TNDN:** là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế phải nộp thuế TNDN.

* **Căn cứ tính thuế TNDN:** là thu nhập tính thuế và thuế suất

* **Thuế suất thuế TNDN :**

- Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh là 25%

- Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm tại Việt Nam từ 32% đến 50% phù hợp cho từng dự án đầu tư.

* **Các ưu đãi về thuế TNDN :**

- Ưu đãi về thuế suất;

- Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế.

b. Quản lý thuế TNDN

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế nộp đúng, đủ kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Để chính sách thuế TNDN được thực thi và thực sự đi vào cuộc sống cần phải có những quy định về cách thức, thủ tục hành chính về thuế TNDN. Tùy theo mô hình quản lý mà có cách thức kiểm soát thuế TNDN khác nhau.

Việt Nam đang chuyển dần từ mô hình quản lý theo đối tượng sang mô hình quản lý theo chức năng. Tương ứng với mỗi mô hình quản lý có các thủ tục khác nhau.

* Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế.

- * Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.
- * Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt.
- * Quản lý thông tin về NNT.
- * Thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế.
- * Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế.
- * Xử lý vi phạm pháp luật về thuế.
- * Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

1.1.3. Kiểm soát thuế

a. Kiểm soát trong quản lý

Kiểm soát là công việc nhằm soát xét lại những quy định, những quá trình thực thi các quyết định quản lý được thể hiện trên các nghiệp vụ để nắm bắt, điều hành và quản lý. Kiểm soát là một chức năng của quản lý, “ở đâu có quản lý thì ở đó có kiểm tra, kiểm soát”. Kiểm soát thuế cũng vậy, đó là một chức năng quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế.

b. Kiểm soát thuế tại doanh nghiệp

Kiểm soát thuế là chức năng quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Đó là thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các luật thuế của NNT và các quy trình quản lý thuế do cơ quan Thuế ban hành nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ và thu kịp thời tiền thuế vào NSNN, đồng thời đề cao tính tự giác chấp hành chính sách, pháp luật thuế và tạo điều kiện thuận lợi cho DN trong việc kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế. Kiểm soát thuế sẽ được thực hiện theo từng chức năng của quá trình quản lý: kê khai và kế toán thuế; Kiểm tra thuế; Thanh tra thuế; Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

c. Sự cần thiết của kiểm soát thuế

Kiểm soát thuế đóng một vai trò quan trọng trong quá trình quản lý thuế và trong việc thực hiện chức năng quản lý của Nhà nước,

cụ thể:

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của Nhà nước để phục vụ nhu cầu chi, thông qua kiểm soát thuế để kiểm soát được nguồn thu quan trọng và kịp thời của NSNN.

- Thông qua kiểm soát thuế Nhà nước điều chỉnh chính sách thuế phù hợp với từng đối tượng kinh doanh và mục tiêu phát triển xã hội trong từng thời kỳ

- Kiểm soát thuế là kiểm soát tính tuân thủ pháp luật, tạo điều kiện hình thành thói quen, tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

- Kiểm soát thuế góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh tế giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế. Qua kiểm soát thuế phát hiện và xoá bỏ các thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết đối với người nộp thuế, từ đó tạo điều kiện tốt nhất cho NNT phát triển sản xuất kinh doanh và chấp hành nghĩa vụ nộp thuế.

- Thông qua kiểm soát thuế đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ ngành thuế, khả năng, trình độ, phẩm chất đạo đức của cán bộ thuế từ đó có điều chỉnh kịp thời các quy trình quản lý, sắp xếp bộ máy tổ chức và có kế hoạch quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác thuế nói chung và kiểm soát thuế nói riêng.

1.2.NỘI DUNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN

1.2.1. Những mục tiêu cơ bản của kiểm soát thuế TNDN

Việc kiểm soát thuế TNDN nhằm đạt những mục tiêu cơ bản:

Thứ nhất, kiểm soát thuế TNDN phải giúp cho công tác quản lý nguồn thu NSNN được thực hiện một cách tốt nhất, tập trung và huy động đầy đủ số thu cho NSNN.

Thứ hai, kiểm soát thuế TNDN nhằm đề cao ý thức tự giác chấp hành chính sách, pháp luật về thuế và tạo điều kiện cho DN thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

Thứ ba, kiểm soát thuế TNDN là nhằm điều chỉnh những bất hợp lý, những kẽ hở của chính sách pháp luật, hạn chế những tình trạng tránh thuế, trốn thuế của NNT; ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi gian lận về thuế góp phần tạo ra môi trường kinh doanh ổn định, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh doanh giữa các thành phần kinh tế.

Thứ tư, kiểm soát thuế nhằm cải tiến các thủ tục quản lý thuế, phân công, phân nhiệm rõ ràng, chuẩn hoá dần công tác quản lý thuế, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý thuế, chất lượng công việc của đội ngũ cán bộ thuế.

Thứ năm, kiểm soát thuế TNDN góp phần huy động tốt nhất vai trò của thuế TNDN trong nền kinh tế.

1.2.2. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế

Kiểm soát ban đầu ở khâu đăng ký, kê khai thuế do bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện để đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế qua việc đăng ký, kê khai thuế của NNT. Phải xác định được số hồ sơ phải nộp, đã nộp, không nộp, các lỗi số học và tính pháp lý của hồ sơ khai thuế, qua đó bộ phận kê khai và kế toán thuế có những điều chỉnh và kiến nghị xử lý kịp thời tạo điều kiện để NNT chấp hành tốt pháp luật thuế. Việc kiểm soát ở khâu này nhằm phân loại được NNT định hướng cho việc kiểm soát ở các khâu tiếp theo.

1.2.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế

Thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế được tiến hành theo một trình tự nhất định. Qua việc giám sát, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế phát hiện những sai sót yêu cầu NNT giải trình, bổ sung

để chứng minh tính chính xác, trung thực, hợp lý của các chỉ tiêu đã kê khai trong hồ sơ thuế. Trường hợp NNT không chứng minh được tính chính xác, trung thực hợp lý của việc kê khai thuế thì cơ quan Thuế tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện NNT có dấu hiệu trốn thuế, gian lận về thuế thì tiến hành thanh tra thuế. Như vậy, có thể chia tiến trình thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế thành 3 bước: kiểm tra tại trụ sở cơ quan Thuế (kiểm tra tại bàn); kiểm tra tại trụ sở NNT và thanh tra thuế.

1.2.4. Kiểm soát nợ thuế

Kiểm soát nợ thuế là chức năng đảm bảo cho việc tiền thuế đã kê khai được nộp vào NNSN đúng thời hạn, qua đó đánh giá tính tuân thủ pháp luật của NNT.

1.2.5. Xử lý vi phạm về thuế

Theo Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Xử lý vi phạm về thuế là một khâu của quá trình kiểm soát thuế. Mọi hành vi vi phạm về thuế đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm khắc. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà NNT vi phạm phải chịu phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử phạt một lần với một mức phạt nhất định. Vi phạm về thuế có thể chia làm 4 loại:

- + Xử phạt vi phạm đối với hành vi vi phạm thủ tục về thuế: chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế...
- + Xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền thuế
- + Xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn.
- + Xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

2.1. TỔNG QUAN VỀ TỈNH PHÚ YÊN

2.1.1. Khái quát tình hình kinh tế- xã hội tỉnh Phú Yên

Phú Yên là một tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ ở tọa độ 12^o50' đến 13^o42' vĩ bắc, từ 108^o41' đến 109^o23' kinh đông. Phía bắc giáp tỉnh Bình Định, phía nam giáp tỉnh Khánh Hòa, phía tây giáp tỉnh Đắc Lắc và Gia Lai, phía đông giáp biển Đông. Diện tích tự nhiên 5.045 km², địa hình chung nghiêng từ Tây sang Đông với 3 dạng địa hình chính: Vùng núi, trung du và đồng bằng; vùng ven biển, rừng và đất tự nhiên chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích tự nhiên.

Tỉnh Phú Yên có 09 đơn vị hành chính gồm 01 Thành phố, 01 thị xã và 07 huyện. Thành phố Tuy Hòa tỉnh lỵ với dân số 100.250 người, là trung tâm văn hóa của Tỉnh.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của ngành thuế tỉnh Phú Yên

Trước năm 1990, hệ thống thuế ở nước ta bao gồm: Thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp và thu đối với kinh tế quốc doanh, ngày 07/8/1990 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 281/HĐBT về việc thành lập hệ thống thu thuế Nhà nước thống nhất từ Trung ương đến địa phương có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/1990. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính có quyết định số 314 TC/QĐ-TCCB ngày 21/8/1990 thành lập Cục thuế tỉnh Phú Yên.

2.1.3. Phân loại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của địa phương, số lượng doanh nghiệp không ngừng được tăng lên hàng năm và qui mô ngày càng được mở rộng.

2.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

2.2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

Thực hiện Quyết định số 108/2009/QĐ-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế. Để thực hiện nhiệm vụ quản lý thu ngân sách trên địa bàn Tỉnh, Cục thuế tỉnh Phú Yên được tổ chức theo bộ máy trực tuyến bao gồm Cục trưởng, các Phó cục trưởng và 10 phòng chức năng:

- + Phòng Tổ chức cán bộ;
- + Phòng Hành chính - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ;
- + Phòng Kiểm tra thuế;
- + Phòng Tin học;
- + Phòng Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán;
- + Phòng Kế khai và Kế toán thuế;
- + Phòng Tuyên truyền và hỗ trợ Người nộp thuế;
- + Phòng Thanh tra thuế;
- + Phòng Quản lý nợ và Cường chế thuế;
- + Phòng Kiểm tra nội bộ.

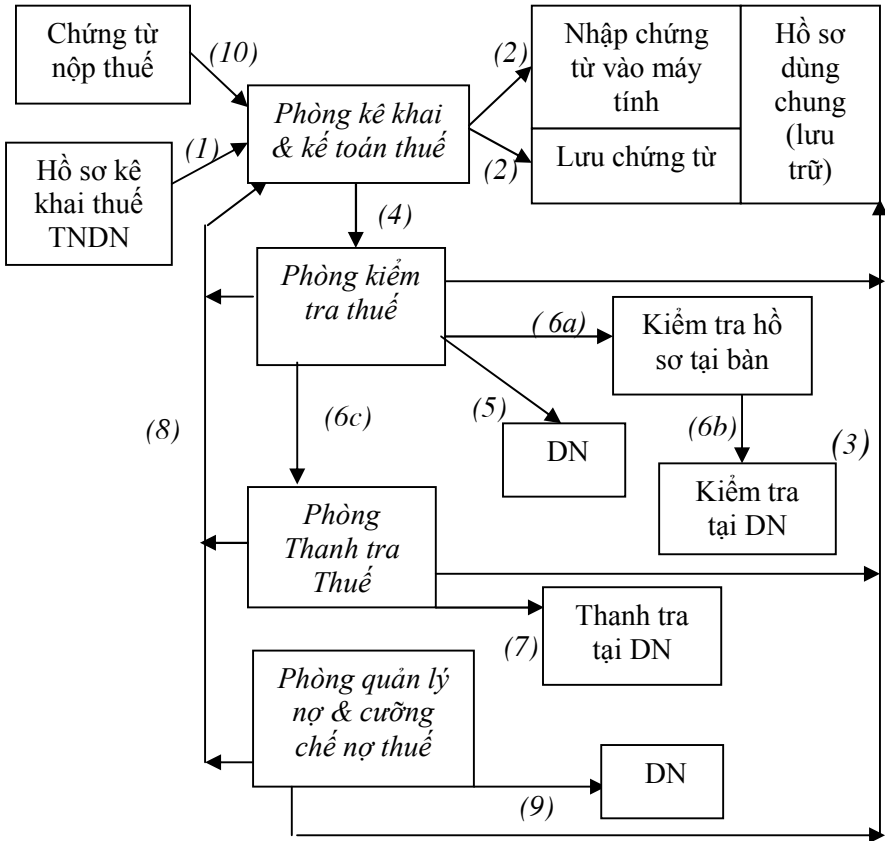
2.2.2. Các quy trình kiểm soát thuế tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

a. Quy trình quản lý thuế TNDN

Việc ban hành quy trình quản lý thuế TNDN nhằm nâng cao tính tự giác thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của NNT thông qua thực hiện việc tự tính, tự kê khai, tự nộp thuế. Đây là cơ sở pháp lý giúp cho hoạt động kiểm soát thuế TNDN ở Cục thuế tỉnh Phú Yên được thực hiện một cách hiệu quả nhất.

b. Các thủ tục kiểm soát thuế TNDN

Trên cơ sở quy trình quản lý thuế TNDN, các thủ tục kiểm soát thuế TNDN được thể hiện với 4 chức năng cơ bản: Khai và kế toán thuế; Kiểm tra, giám sát thuế; Thanh tra thuế; Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế thông qua mô tả ở hình 2.5 sau:



Hình 2.5 Các thủ tục kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

2.2.3. Hệ thống thông tin kế toán thuế

Để kiểm soát thuế TNDN, hệ thống kế toán thuế sử dụng hệ thống mục lục NSNN để hạch toán số thuế đã nộp theo từng loại hình

và theo từng sắc thuế (khoản thu) phù hợp với chương, loại, khoản, mục theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước. Thuế TNDN được theo dõi trên hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước là mục 1050, tiểu mục 1052 theo từng đối tượng, từng bộ phận quản lý để theo dõi công nợ chính xác và liên tục hơn.

2.3. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

2.3.1. Kết quả kiểm soát thuế TNDN

Từ khi Luật thuế TNDN có hiệu lực thi hành đến nay hơn 12 năm thực hiện, mặc dù công tác kiểm soát thuế TNDN còn nhiều tồn tại, nhưng với chỉ đạo của Tổng cục Thuế, UBND tỉnh Phú Yên và sự phấn đấu nỗ lực của cán bộ công chức Cục thuế tỉnh Phú Yên đã mang lại kết quả đáng kể trong việc huy động nguồn thu vào NSNN. Tổng thu NSNN không ngừng tăng lên qua các năm, trong đó số thu từ doanh nghiệp tăng lên hàng năm, đến năm 2011 số thu này là 1.461,1 tỷ đồng, trong đó thuế TNDN chiếm 7,23% trên tổng số thu của ngành thuế. Phần đầu năm 2012 ngành thuế tỉnh Phú Yên thu đạt 1.700 tỷ đồng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

2.3.2. Công tác kiểm soát Người nộp thuế

a. Khảo sát thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

Để phân tích thực trạng và đánh giá công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên, tác giả đã xây dựng bảng câu hỏi và thực hiện phỏng vấn điều tra 100 cán bộ, công chức thuế ở các vị trí công tác khác nhau như: bộ phận lãnh đạo, tham mưu, trực tiếp kiểm tra NNT, bộ phận khác tại văn phòng Cục Thuế và các Chi cục Thuế.

* **Xây dựng bảng câu hỏi điều tra:** xây dựng bảng câu hỏi điều tra thực trạng kiểm soát thuế TNDN gồm 3 phần nhằm mục đích

thu thập thông tin đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên trên cơ sở tham khảo ý kiến của các cán bộ công chức của từng bộ phận.

Phần I: thu thập những thông tin chung về người được phỏng vấn.

Phần II: thu thập những thông tin về tình hình chấp hành pháp luật thuế của NNT.

Phần III: thu thập các thông tin về thủ tục kiểm soát thuế TNDN và nhóm giải pháp để tăng cường kiểm soát thuế TNDN.

* **Cách thức điều tra phỏng vấn:** Những đối tượng được lựa chọn để điều tra đó là cán bộ công chức tại văn phòng Cục thuế và các Chi cục thuế. Số lượng người được phỏng vấn điều tra là 100 người công tác ở các bộ phận lãnh đạo, chỉ đạo; tham mưu; trực tiếp kiểm tra NNT và bộ phận khác ở từng bộ phận công tác của Cục thuế tỉnh Phú Yên

* **Kết quả điều tra phỏng vấn** Để đơn giản hóa và dễ nhận biết số liệu từ bảng câu hỏi điều tra thực trạng kiểm soát thuế được mã hoá thành số theo thứ tự của đáp án đã được lựa chọn. Tiêu thức được sử dụng để đánh giá là tỷ trọng và giá trị trung bình. Sau khi xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS, ta thu được kết quả về thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên như sau

- Về số cán bộ được điều tra phỏng vấn:

Bảng 2.4 Sơ lược về người được điều tra phỏng vấn.

Bộ phận công tác	Thời gian công tác				Tổng
	Trên 15 năm	Trên 10 năm	Trên 5 năm	Dưới 5 năm	
Lãnh đạo, chỉ đạo	7	2	3	0	12
Tham mưu	3	12	10	1	26
Trực tiếp kiểm tra NNT	8	16	15	3	42
Bộ phận khác	3	5	7	5	20
Cộng	21	35	35	9	100

Căn cứ vào kết quả điều tra phỏng vấn tại phụ lục số 2 cho thấy trong số 100 cán bộ được điều tra phỏng vấn phần lớn làm ở bộ phận trực tiếp kiểm tra NNT (chiếm 42%), bộ phận tham mưu (chiếm 26%), bộ phận khác (chiếm 20%) còn lại 12% thuộc lãnh đạo, chỉ đạo. Về thời gian công tác thì những cán bộ công tác trong Cục thuế trên 15 năm chiếm 21%, trên 10 năm chiếm 35%, trên 5 năm chiếm 35%, còn lại dưới 5 năm chiếm 9%.

- **Về tình hình chấp hành pháp luật thuế:** Hành vi vi phạm pháp luật về thuế có thể xảy ra ở mọi lĩnh vực kinh doanh, nhưng mức độ vi phạm còn tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Nhưng hành vi vi phạm pháp luật về thuế xảy ra nghiêm trọng nhất là ở loại hình Công ty TNHH, tiếp đến là DNTN, DN ĐTNN, ...

- **Các thủ tục kiểm soát thuế:** Căn cứ vào kết quả điều tra cho thấy: cơ quan thuế thường sử dụng các thủ tục kiểm soát thuế khác nhau, nó thể hiện qua mức độ ưu tiên, mức độ sử dụng các thủ tục để kiểm soát, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm về thuế cũng như nhận định về các nhóm giải pháp để tăng cường kiểm soát thuế TNDN.

Từ kết quả điều tra phỏng vấn có thể nhận thấy rằng:

- Theo kết quả điều tra phỏng vấn thì loại hình công ty TNHH thường xảy ra hiện tượng trốn thuế nhiều nhất, nhưng hành vi trốn thuế mức độ như thế nào thì cần phải xem xét một số trường hợp cụ thể.

- Để kiểm soát thuế TNDN, cơ quan thuế đã ưu tiên đặc biệt cho thủ tục kiểm tra, giám sát thuế. Việc ưu tiên như vậy đã ảnh hưởng đến nội dung, chất lượng, kết quả kiểm soát thuế TNDN do vậy cần phải xem xét cụ thể thủ tục kiểm soát đối với một số trường hợp và kết quả của từng khâu kiểm soát.

- Biện pháp xử lý vi phạm về thuế của cơ quan Thuế chưa đảm bảo tính răn đe đã ảnh hưởng đến ý thức chấp hành pháp luật thuế và

kết quả kiểm soát thuế TNDN.

- Cần thiết phải kiểm soát thuế TNDN từ khi doanh nghiệp đi vào hoạt động nhưng nhận thức chỉ cần kiểm soát từ khi phát sinh thuế TNDN đã ảnh hưởng đến kết quả kiểm soát như thế nào cũng cần phải làm rõ.

b. Kết quả tình hình chấp hành pháp luật thuế của NNT

Theo kết quả điều tra phỏng vấn ở mục a cho thấy hành vi vi phạm về thuế thường xảy ra nhiều nhất ở loại hình Công ty TNHH. Như vậy loại hình doanh nghiệp khác thì có hành vi trốn thuế khác nhau, để hiểu rõ hơn hành vi trốn thuế của từng loại hình doanh nghiệp thì cần phải đi sâu vào cụ thể từng loại hình doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh.

Từ 100 biên bản thanh tra, kiểm tra thuế các doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Phú Yên cho thấy doanh nghiệp có hành vi trốn thuế chiếm tỷ lệ cao đó là Công ty TNHH, tiếp đến là doanh nghiệp tư nhân vì trên thực tế việc chấp hành các chính sách thuế của nhóm này là thấp nhất, vì vậy tác giả chọn 58/100 mẫu hồ sơ của Công ty TNHH thì có 57 mẫu hồ sơ vi phạm chiếm tỷ lệ 98%, còn đối với DNTN thì tác giả chọn 22/100 mẫu hồ sơ thì có 21 mẫu hồ sơ vi phạm chiếm tỷ lệ 95%.

Bảng 2.5: Kết quả điều tra chọn mẫu tình hình chấp hành pháp luật thuế

TT	Loại hình DN	Số doanh nghiệp		Mẫu lựa chọn		
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số DN	Số vi phạm	Tỷ lệ (%)
1	DNNN	41	2,4	2	1	0,5
2	DN ĐTNN	31	1,8	8	6	0,75
3	Công ty TNHH	785	46,2	58	57	0,98
4	Công ty cổ phần	184	10,8	10	8	0,8
5	DNTN	658	38,8	22	21	0,95
	Tổng cộng	1.699	100	100	93	0,93

c. Các thủ tục kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

Để kiểm soát việc tuân thủ chấp hành pháp luật của NNT, cơ

quan Thuế đã sử dụng các thủ tục kiểm soát ở tất cả các giai đoạn của quá trình quản lý.

*** Thủ tục kiểm soát đối với NNT**

Trong quá trình quản lý thuế đòi hỏi phải kiểm soát được tất cả các NNT trong toàn bộ quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế từ khi đăng ký kê khai thuế cho đến khi tiền thuế được nộp vào NSNN. Để thấy được thứ ưu tiên các thủ tục kiểm soát của cơ quan Thuế đã ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng của quá trình kiểm soát cần phải xem xét thực tế cơ quan Thuế đã áp dụng thủ tục kiểm soát nào đối với NNT.

Như vậy, xuất phát từ tình hình chấp hành pháp luật thuế đã nêu ở mục a cho ta thấy loại hình Công ty TNHH là loại hình DN trốn thuế nhiều nhất, do đó tác giả đã chọn 3 Công ty thuộc lĩnh vực xây dựng để khảo sát đó là: Công ty TNHH Tân Đại Nam; Công ty TNHH Xây dựng Tiên Lợi; Công ty TNHH Xây dựng Minh Toàn.

Qua kết quả khảo sát tại các doanh nghiệp trong ngành xây dựng cho thấy cơ quan Thuế đã áp dụng các thủ tục kiểm soát trong tất cả các khâu của quá trình quản lý thuế như: từ khi doanh nghiệp thành lập, đăng ký kê khai thuế cho đến khi số tiền thuế phát sinh được nộp vào NSNN.

*** Đánh giá kết quả theo từng thủ tục kiểm soát thuế TNDN**

Theo mô hình quản lý theo chức năng thì việc coi trọng thủ tục kiểm soát này, xem nhẹ thủ tục kiểm soát khác theo kết quả phỏng vấn điều tra đã ảnh hưởng đến kết quả của từng khâu kiểm soát. Kết quả đó được thể hiện qua từng khâu cụ thể:

- Đăng ký và kê khai thuế.
- Thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế.
- Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Như vậy, thứ tự ưu tiên các thủ tục kiểm soát thuế hiện nay của

Cục thuế tỉnh Phú Yên chủ yếu tập trung vào mục đích thực hiện dự toán thu NSNN.

d. Các biện pháp xử lý hành vi trốn thuế

Để xử lý nghiêm khắc các hành vi trốn thuế là thủ tục bắt buộc của việc kiểm soát thuế TNDN. Mọi hành vi vi phạm về thuế đều phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với hành vi trốn thuế thì ngoài việc bị xử lý truy thu số tiền thuế trốn lậu còn bị xử phạt từ một đến ba lần số thuế trốn lậu và xử phạt vi phạm hành chính, nhưng việc áp dụng các hình thức xử phạt phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người ra quyết định.

2.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

2.4.1. Các nhân tố về cơ chế chính sách

2.4.2. Nhân tố về con người

2.4.3. Nhân tố về cơ sở vật chất

2.4.4. Nhân tố về kế toán thuế TNDN

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.1. CÁC CĂN CỨ ĐỀ XUẤT ĐỂ TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.1.1. Những hạn chế từ thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

Công tác quản lý thuế nói chung và kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên nói riêng đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên trong thời gian qua còn bộc lộ một số mặt hạn chế nhất định.

a. Công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên

- Công tác kê khai, đăng ký thuế chi mới dừng lại ở mức độ ghi chép, theo dõi, phản ánh số thuế đã nộp, nhưng bộ phận kê khai đăng ký và kế toán thuế chưa phân loại được đối tượng để định hướng kiểm soát thuế TNDN có hiệu quả, trọng điểm.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế chủ yếu tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT, nội dung kiểm tra rộng, không trọng điểm.

- Công tác quản lý nợ và Cường chế nợ thuế chưa tính đến mức độ, tỷ lệ số nợ trên số thuế phát sinh, số nộp trong kỳ của đơn vị, bộ phận quản lý nợ chưa dự tính được khả năng thanh toán nợ của NNT, chưa có biện pháp cường chế phù hợp, kịp thời.

- Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về NNT chưa đầy đủ và chưa được cập nhật kịp thời, còn phân tán, hạn chế đến khả năng chia sẻ, trao đổi giữa Cục thuế và Chi cục thuế với nhau.

b. Tổ chức bộ máy kiểm soát

- Tổ chức bộ máy theo mô hình chức năng nhưng một số chức năng chưa rõ ràng như kiểm tra, giám sát thuế và quản lý nợ thuế.

- Trình độ cán bộ thực hiện các chức năng cơ bản của quy trình quản lý theo cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp chưa tương xứng, chức năng nhiệm vụ của từng vị trí công việc chưa rõ ràng do đó không thể gắn trách nhiệm cho từng con người cụ thể và không thể đánh giá chất lượng công việc của từng bộ phận một cách chính xác.

- Công tác kiểm soát nội bộ chưa phát huy được chức năng vốn có của nó.

3.1.2. Yêu cầu đổi mới công tác quản lý thuế trong xu hướng hội nhập

Công tác kiểm soát thuế luôn vận động, thay đổi phù hợp với chính sách thuế hiện hành, tạo điều kiện cho quá trình sắp xếp, đổi mới

phát triển các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Để đáp ứng với yêu cầu quản lý thuế và thực hiện thành công mô hình quản lý theo chức năng phải tăng cường kiểm soát thuế TNDN.

3.1.3. Phương hướng tăng cường kiểm soát thuế TNDN

Tăng cường kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên trong giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo cần tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

a. Nội dung kiểm soát thuế TNDN

Kiểm soát thuế phải được thực hiện trên tất cả các khâu của quá trình quản lý từ khâu đầu tiên là đăng ký, kê khai thuế đến khi tiền thuế được nộp vào NSNN.

b. Bộ máy quản lý thuế

Bộ máy quản lý thuế được tăng cường theo hướng ưu tiên cho việc thực hiện các chức năng quản lý cơ bản: Tuyên truyền hỗ trợ, đăng ký kê khai thuế, thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế và quản lý nợ thuế, trong đó cần chú trọng đến công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế.

3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

3.2.1. Đổi mới và hoàn thiện nội dung kiểm soát thuế TNDN

a. Chuyển sang cơ chế thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro về thuế

Với nguồn nhân lực còn hạn chế thì ngành thuế nói chung và Cục thuế tỉnh Phú Yên nói riêng không thể thanh tra, kiểm tra toàn bộ NNT mà cần phải thanh tra, kiểm tra có trọng điểm. Do đó cần phải chuyển từ cơ chế thanh tra nhằm vào tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện hành sang cơ chế thanh tra theo mức độ các vi phạm về thuế, có gian lận thuế mới thanh tra, không có gian lận thì không thanh tra. Việc chuyển đổi được thực hiện qua các nội dung sau:

- Chuyển đổi từ việc thanh tra theo diện rộng sang thanh tra theo hệ thống tiêu thức lựa chọn, đi vào chiều sâu theo mức độ vi phạm.

- Chuyển hoạt động thanh tra, kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ sở kinh doanh sang thanh tra, kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ quan thuế.

- Chuyển từ thanh tra kiểm tra toàn diện sang thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề và nội dung vi phạm.

b. Hoàn thiện quy trình thanh tra, kiểm tra trên cơ sở áp dụng phương pháp quản lý rủi ro

- Hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra theo quy định của Luật Quản lý thuế trên cơ sở áp dụng phương pháp quản lý rủi ro.

- Lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra theo phương pháp rủi ro nhưng phải đúng trọng điểm đảm bảo đúng pháp luật trên nguyên tắc có dấu hiệu vi phạm mới tiến hành thanh tra, ưu tiên thanh tra những đối tượng có rủi ro lớn.

c. Xây dựng quy trình điều tra các hành vi trốn thuế TNDN

Trước tình trạng trốn thuế TNDN phổ biến và tinh vi với phạm vi rộng như hiện nay, nhiều trường hợp không thể đủ căn cứ xác định số thuế TNDN đã trốn bằng chức năng thanh tra như: phạm vi liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều tỉnh, thành phố khác nhau, thời gian cần thiết để xác minh thường là rất dài, tốn kém chi phí và nguồn nhân lực. Do vậy điều tra thuế là việc làm hết sức cấp thiết.

d. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập kế hoạch thanh tra thuế từ khâu thu thập cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp để phân tích, đánh giá xác định mức độ rủi ro phục vụ cho việc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT.

- Xây dựng hệ thống phần mềm phân tích thông tin thu nộp thuế, tình hình sản xuất kinh doanh và phân tích kinh tế ngành,

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động, thay đổi, tình trạng kê khai, nộp thuế và tình hình tài chính của từng tổ chức, cá nhân nộp thuế để phục vụ việc phân tích thông tin cho hoạt động thanh tra thuế.

- Xây dựng tiêu thức phân loại thái độ chấp hành nghĩa vụ thuế của Người nộp thuế để áp dụng cách ứng xử của cơ quan thuế theo các cấp độ, mức độ.

- Ứng dụng phân tích rủi ro phục vụ công tác kiểm tra tại cơ quan thuế và phục vụ cho việc xác định nội dung, thời kỳ thanh tra tại trụ sở người nộp thuế.

e. Tăng cường đôn đốc thu nợ trên cơ sở nghiên cứu và áp dụng phương pháp đánh giá rủi ro, phân loại người nợ thuế

Đôn đốc thu nộp, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là khâu cuối cùng trong quy trình quản lý thuế. Mục tiêu tăng thu NSNN của kiểm soát thuế sẽ không đảm bảo nếu không quản lý được nợ thuế. Bởi vậy cần phân loại nợ, nguyên nhân của từng loại nợ để từ đó có cách ứng xử phù hợp theo tính chất và mức độ của khoản nợ.

f. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành

Công tác kiểm tra nội bộ phải thay đổi cả nội dung, phạm vi và cách thức kiểm tra:

- Về phạm vi kiểm tra: Thực hiện trên tất cả các khâu, lĩnh vực của công tác thuế, tập trung vào kiểm tra việc thực hiện quy trình của các phòng chức năng ở Văn phòng Cục thuế.

- Nội dung kiểm tra: Bán sát nội dung quy trình, bản mô tả công việc của từng bộ phận, vị trí công tác.

- Cách thức kiểm tra: Kiểm tra theo chương trình kế hoạch

hàng kỳ, kiểm tra theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất.

3.2.2. Hoàn thiện bộ máy tổ chức và phát triển nguồn nhân lực

Để thực hiện mô hình quản lý theo chức năng phát huy tính tự giác, tự chịu trách nhiệm của NNT đồng thời đảm bảo kiểm soát có hiệu quả thuế TNDN nói riêng và các loại thuế khác nói chung, bộ máy quản lý thuế cần phải thay đổi theo hướng sau:

a. Về tổ chức bộ máy

- Tổ chức bộ máy theo mô hình quản lý thuế kết hợp hợp lý giữa quản lý thuế theo chức năng với quản lý thuế theo đối tượng.
- Triển khai mô hình quản lý được thực hiện đồng bộ với việc đổi mới phân cấp quản lý giữa cơ quan thuế các cấp.
- Điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cơ quan thuế các cấp và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý

b. Về nguồn nhân lực

- Đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ theo hướng phân loại cán bộ theo trình độ, chuyên ngành đào tạo để áp dụng cơ chế tuyển dụng cho phù hợp.
- Đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức thuế đảm bảo tính liên kết giữa đào tạo, bồi dưỡng công chức mới với đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo từng chức năng, nhiệm vụ quản lý cho cán bộ, công chức thuế.
- Đổi mới phương thức đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm; Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, công chức thuế đối với từng lĩnh vực công tác gắn với bản mô tả công việc ở từng vị trí công tác để thực thi công việc đạt hiệu quả hơn, mang tính chuẩn hóa.
- Tăng cường đội ngũ cán bộ công chức làm công tác kiểm tra nội bộ và hoàn thiện cơ chế kiểm tra nội bộ để triển khai thống nhất đảm bảo, khách quan, hiệu quả.

3.3. CÁC KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ và các cơ quan trung ương

a. Về Luật quản lý thuế

Luật Quản lý thuế ra đời và đi vào cuộc sống đã góp phần quan trọng thống nhất chính sách quản lý thu thuế, tạo sự đồng bộ, nâng cao tính rõ ràng, minh bạch; tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của nhà nước, xã hội trong công tác quản lý thuế; tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, nộp đủ, nộp kịp thời tiền thuế vào ngân sách nhà nước...

b. Về Luật thuế TNDN

- Thứ nhất, điều chỉnh Luật thuế TNDN theo hướng đơn giản, dễ hiểu và tạo thuận lợi cho NNT chấp hành tốt thuế TNDN

- Thứ hai, quy định đối với một số khoản chi phí cần chặt chẽ hơn khi xác định thu nhập chịu thuế

- Thứ ba, về thuế suất thuế TNDN

- Thứ tư, quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế TNDN cần cụ thể, rõ ràng

3.3.2. Đối với Tổng cục Thuế và Cục thuế tỉnh Phú Yên

- Chuẩn hoá các quy định nghiệp vụ trong công tác kiểm soát thuế TNDN một cách thống nhất, rõ ràng tạo điều kiện tin học hoá công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

- Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về NNT để phục vụ cho công tác quản lý thuế theo phương pháp rủi ro.

- Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo theo Chỉ thị số 04/CT-BCSD của Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính.

3.3.3. Đối với UBND tỉnh và các cấp chính quyền

- Quy chế phối hợp giữa Cục thuế và Sở Kế hoạch - Đầu tư.

- Quy chế phối hợp giữa Cục thuế với Sở Công thương, Chi

cục quản lý thị trường.

- Quy chế phối hợp giữa Cục thuế và Công an.
- Quy chế phối hợp giữa Cục thuế với Kho bạc, các ngân hàng.
- Cục thuế phối hợp với Sở Tư pháp, Đài phát thanh, Đài truyền hình, Tòa soạn báo.
- UBND Tỉnh và chính quyền các cấp.

KẾT LUẬN

Cục thuế tỉnh Phú Yên đã từng bước cải tiến phương thức quản lý, cách thức kiểm soát thuế TNDN, từng bước xoá bỏ cơ chế chuyên quản, chuyển dần sang cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp phát huy tính chủ động cho NNT bằng việc thực hiện mô hình quản lý theo chức năng. Quá trình cải cách đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế trong quá trình thực hiện nên kết quả kiểm soát thu thuế chưa cao.

Bằng lý luận và thực tiễn, luận văn đã đặt ra và giải quyết tương đối đầy đủ vấn đề kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên:

Thứ nhất, hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận về kiểm soát thuế TNDN, trình bày được cách thức tổ chức kiểm soát thuế TNDN theo mô hình quản lý chức năng.

Thứ hai, phân tích thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên và nêu lên những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát thuế TNDN.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên, luận văn đã đưa ra được một số giải pháp tăng cường kiểm soát thuế TNDN tại Cục thuế tỉnh Phú Yên. Đồng thời đề xuất một số kiến nghị đối với Nhà nước, Tổng cục Thuế, các cấp chính quyền địa phương liên quan đến công tác kiểm soát thuế TNDN nói riêng và quản lý thuế nói chung.